

Phiếu 1A.3/ĐTDN-XD

Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG****Năm 2017***(Áp dụng cho các doanh nghiệp đơn/cơ sở có hoạt động xây dựng)***1. Tên doanh nghiệp đơn/cơ sở:** .....*(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu) .....***2. Kết quả hoạt động xây dựng***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2017
A	B	I
<b>2.1. Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng (01=02+...+09)</b>	<b>01</b>	
<i>Chia ra:</i>		
Chi phí vật liệu trực tiếp	02	
Chi phí nhân công trực tiếp	03	
Chi phí sử dụng máy móc thi công	04	
Chi phí sản xuất chung	05	
Chi phí quản lý kinh doanh <i>(chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp)</i>	06	
Chi phí thực hiện hạng mục công trình do nhà thầu phụ thi công <i>(nếu có)</i>	07	
Chi trả lãi tiền vay cho hoạt động xây dựng	08	
Chi phí khác	09	
<b>2.2. Giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu, vật tư do chủ đầu tư cung cấp</b>	<b>10</b>	
<b>2.3. Lợi nhuận hoạt động xây dựng (11=12+13)</b>	<b>11</b>	
<i>Chia ra:</i>		
Lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng	12	
Lợi nhuận khác có liên quan đến hoạt động xây dựng	13	
<b>2.4. Giá trị sản xuất xây dựng (14=01+10+11=15+16+17+18)</b>	<b>14</b>	
<i>Giá trị sản xuất chia theo loại công trình:</i>		
Công trình nhà ở	15	
Công trình nhà không để ở	16	
Công trình kỹ thuật dân dụng	17	
Hoạt động xây dựng chuyên dụng	18	

### 3. Công trình/hạng mục công trình xây dựng thực hiện trong năm 2017

Tên công trình/hạng mục công trình (Ghi lần lượt từng công trình/hạng mục công trình thực hiện trong năm)	Loại công trình (*)	Mã ngành (VISIC 2007 cấp 5) CQ T.Kê ghi	Địa điểm xây dựng		Năm khởi công	Năm hoàn thành/dự kiến hoàn thành	Giá trị sản xuất xây dựng thực hiện trong năm (Triệu đồng)	
			Tên tỉnh	Mã tỉnh CQ T.kê ghi			Tổng số	Trong đó: giá trị nhà thầu phụ thi công
A	B	C	D	E	G	H	1	2

Ghi chú (\*): Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

### 4. Nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm 2017

Tên công trình (Ghi lần lượt từng công trình nhà ở hoàn thành trong năm)	Loại công trình (*)	Mã công trình CQ T.kê ghi	Địa điểm xây dựng		Năm khởi công	Diện tích hoàn thành (m <sup>2</sup> sàn)	Tổng chi phí xây dựng (Triệu đồng)
			Tên tỉnh	Mã tỉnh CQ T.kê ghi			
A	B	C	D	E	G	1	2

Ghi chú (\*): Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp

## GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI

### 4. Nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm

#### DANH MỤC CÔNG TRÌNH NHÀ Ở

STT	Tên công trình	Mã công trình
1	Nhà chung cư dưới 4 tầng	01
2	Nhà chung cư từ 4-8 tầng	02
3	Nhà chung cư từ 9-25 tầng	03
4	Nhà chung cư từ 26 tầng trở lên	04
5	Nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng	05
5.1	Nhà kiên cố	06
5.2	Nhà bán kiên cố	07
5.3	Nhà thiếu kiên cố	08
5.4	Nhà đơn sơ	09
6	Nhà ở riêng lẻ từ 4 tầng trở lên	10
7	Nhà biệt thự	11

Trong đó:

- Nhà chung cư: Là những ngôi nhà có từ 2 tầng trở lên được xây dựng dùng để ở, trong đó có nhiều căn hộ riêng biệt, có lối đi, cầu thang và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung.

Căn hộ: Là nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nhà chung cư.

- Nhà ở riêng lẻ: Là những ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà một tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

Việc phân loại nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng theo mức độ kiên cố được quy định như sau:

+ Nhà kiên cố: Là nhà có ba kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc.

+ Nhà bán kiên cố: Là nhà có hai trong ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc.

+ Nhà thiếu kiên cố: Là nhà có một trong ba kết cấu chính cột, mái, tường được làm bằng vật liệu bền chắc.

+ Nhà đơn sơ: Là nhà có cả ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu không bền chắc.

Đặc điểm nhận dạng vật liệu bền chắc, không bền chắc được thể hiện trong bảng dưới đây:

**ĐẶC ĐIỂM NHẬN DẠNG VẬT LIỆU BỀN CHẮC, KHÔNG BỀN CHẮC**

	Vật liệu chính làm cột	Vật liệu chính làm mái	Vật liệu chính làm tường bao che
Bền chắc	1. Bê tông cốt thép; 2. Xây gạch/đá; 3. Sắt/thép/gỗ bền chắc.	1. Bê tông cốt thép; 2. Ngói (xi măng, đất nung).	1. Bê tông cốt thép; 2. Xây gạch/đá; 3. Gỗ/kim loại.
Không bền chắc	4. Gỗ tạp/tre; 5. Khác.	3. Tấm lợp (xi măng, kim loại); 4. Lá/rom rạ/giấy dầu; 5. Khác.	4. Đất/vôi/rom 5. Phiên/liếp/ván ép 6. Khác.

- Nhà biệt thự: Là nhà ở riêng biệt, có sân, vườn (cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa...), tường rào và lối ra vào riêng biệt; có cấu trúc hoàn chỉnh, khép kín (đầy đủ các phòng ngủ, sinh hoạt chung, bếp ăn, vệ sinh, kho, để xe ...); có ít nhất 02 mặt nhà liền kề trông ra sân hoặc vườn.